

BỘ GIAO THÔNG VẬN TÀI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HOÀN TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ CHO
HỌC SINH, SINH VIÊN THUỘC ĐIỆN MIỄN, GIẢM HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2016 của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ LĐ-TB và Xã hội;
Căn cứ Quyết định số 974/QĐ-HVHK ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Học viện Hàng không Việt Nam;
Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-HVHK ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Học viện Hàng không Việt Nam.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và Tên	Đợt	Mã học phần	Nội dung	Số TC	Mức nộp học phí	Số tiền miễn, giảm	Ký nhận
I	Miễn 100% Học phí - Sinh viên thuộc con thương, bệnh binh					47.875.000	47.875.000	
1	NGUYỄN THỊ LAN Mã sinh viên: 1651010366 Lớp: QTKDCHK-K10	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000182 0101000138 0101000135	Quản trị thiết bị Cảng HK Thực tập và viết BCTT Tổ chức khai thác HK I	3 4 3	735.000 980.000 735.000	2.450.000	
2	CAO THỊ LÝ LỖY Mã sinh viên: 1651010452 Lớp: QTKDCHK-K10	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000182 0101000138 0101000136	Quản trị thiết bị Cảng HK Thực tập và viết BCTT Tổ chức khai thác HK I	3 4 3	735.000 980.000 735.000	2.450.000	
3	HÀ VĂN VƯỢNG Mã sinh viên: 1651010462 Lớp: QTKDVTHK4-K10	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000135 0101000138 0101000138	Quản lý khai thác mặt đất Quản trị khai thác CHK-SB Thực tập doanh nghiệp	3 3 4	735.000 735.000 980.000	2.450.000	
4	NGUYỄN THỊ THUY TIẾN Mã sinh viên: 1651010086 Lớp: QTKDVTHK5-K10	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000135 0101000139 0101000138	Quản lý khai thác mặt đất Quản trị khai thác CHK-SB Thực tập và viết BCTT	3 3 4	735.000 735.000 980.000	2.450.000	
5	DANG THANH TRÚC Mã sinh viên: 1651010386 Lớp: QTKDVTHK3-K10	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000130 0101000135 0101000139 0101000138	Anh văn chuyên ngành II Quản lý khai thác mặt đất Quản trị khai thác CHK-SB Thực tập và viết BCTT	3 3 3 4	735.000 735.000 735.000 980.000	3.185.000	
6	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH Mã sinh viên: 1651010547 Lớp: QTDL2-K10	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000216 0101000138 0101000636	Kỹ năng tổ chức hội nghị và sự kiện Thực tập và viết BCTT Kỹ năng hoạt náo du lịch	3 4 3	735.000 980.000 735.000	2.450.000	
7	HỒ VĂN TRƯỜNG GIANG Mã sinh viên: 1751200056 Lớp: 17ĐHK101	Học kỳ 2 (2019-2020)	0108000736 0108000532 0108000013 0108000694 0108000698	Kết cấu hàng không Khí động học Pháp luật hàng không Tiếng anh chuyên ngành II (KTHK) Tính năng tàu bay	3 3 2 3 2	930.000 930.000 490.000 930.000 620.000	5.450.000	

STT	Họ và Tên	Đợt	Mã học phần	Nội dung	Số TC	Mức nộp học phí	Số tiền miễn, giảm	Ký nhận
			0108000346 0108000664	Vật liệu hàng không Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	3 2	930.000 620.000		
8	ĐOÀN VIỆT ANH Mã sinh viên: 1711010007 Lớp: 17CĐAN01	Học kỳ 2 (2019-2020)						Không có công nợ sinh viên
9	NGUYỄN MINH QUÂN Mã sinh viên: 1753020085 Lớp: 17ĐHDT02	Học kỳ 2 (2019-2020)						Không có công nợ sinh viên
10	TRẦN THẢO HÀ MY Mã sinh viên: 1751010058 Lớp: 17ĐHQT05	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000130 0101000127 0101000137 0101000132 0101000117 0101000136 0108000051 0108000053 0108000056 0108000055 0108000049 0108000064 0108000325 0108000023 0108000048 0101000010 0101000022 0101000102 0101000110 0101000460 0101000082 0101000118	Anh văn chuyên ngành II C/chi và cấp phép hoạt động HK Khởi thác thương mại tàu bay Marketing hàng không Phân tích hoạt động kinh doanh Tổ chức khai thác HK I Dịch vụ kiểm soát Tiếp cận (không ra-đà) Điện và điện tử máy bay Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM) Máy bay trực thăng Nghiên cứu và thuyết trình Thiết bị hàng không và hệ thống dẫn đường trên máy Thực hành Kiểm soát tiếp cận không radar Tiếng Anh chuyên ngành 3 Tin cứu & Điều tra tai nạn máy bay Đường lối cách mạng Đảng CSVN Giáo dục thể chất-Bóng chuyền Luật Kinh tế Lý thuyết tài chính tiền tệ Quản trị chất lượng Quản trị nhân lực Thanh toán quốc tế	3 2 3 3 3 3 4 3 3 2 3 3 1 2 3 3 3 3 2	735.000 490.000 735.000 735.000 735.000 735.000 1.000.000 750.000 750.000 500.000 750.000 750.000 250.000 750.000 500.000 735.000 735.000 490.000 720.000 720.000 720.000 720.000 960.000 720.000	4.165.000	
11	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM Mã sinh viên: 1756060008 Lớp: 17ĐHKL01	Học kỳ 2 (2019-2020)					6.000.000	
12	LÊ THỊ PHƯƠNG THÙY Mã sinh viên: 1851010025 Lớp: 18ĐHQT01	Học kỳ 2 (2019-2020)					4.655.000	
13	MAI THỊ HƯƠNG Mã sinh viên: 1813120006 Lớp: 18CĐBV01	Học kỳ 2 (2019-2020)	0301000161 0301000056 0301000157 0301000175 0301000154	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM) Kỹ thuật truyền số liệu & mạng máy tính Thực tập doanh nghiệp Thông tin quang	3 3 3 4 3	720.000 720.000 720.000 960.000 720.000	3.840.000	
14	NGUYỄN THỊ THANH THÙY Mã sinh viên: 1951010274 Lớp: 19ĐHQT06	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000244	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	490.000		Không có công nợ sinh viên

STT	Họ và Tên	Đợt	Mã học phần	Nội dung	Số TC	Mức nộp học phí	Số tiền miễn, giảm	Ký nhận
15	NGUYỄN ĐAN NGOC Mã sinh viên: 1951010384 Lớp: 19DHQT08	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000104 0101000177 0101000107 0101000587	Kinh tế vi mô Lý thuyết xác suất - thống kê Nguyên lý kế toán Quản trị học	3 3 3 3	735.000 735.000 735.000 735.000	3.430.000	
16	HOÀNG DIỄM QUỲNH Mã sinh viên: 1951010011 Lớp: 19DHQT01	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000008 0101000233 0101000104 0101000177 0101000107 0101000587 0101000244	Anh văn cơ bản 1 Giáo dục thể chất-Aerobic Kinh tế vi mô Lý thuyết xác suất - thống kê Nguyên lý kế toán Quản trị học Chủ nghĩa xã hội khoa học	3 1 3 3 3 3 2	735.000 735.000 735.000 735.000 735.000 735.000 490.000	4.900.000	
II	Miễn 100% Học phí - Sinh viên là dân tộc thiểu số thuộc hệ nghèo hoặc hệ cận nghèo.					11.107.000	11.107.000	
1	PHẠM TRỊ KIM OANH Mã sinh viên: 1951010229 Lớp: 19DHQT05	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000008 0101000244 0101000009 0101000083 0101000104 0101000177 0101000107 0101000587 0101000200 0101000145 0101000067 0101000161 0101000156 0101000368 0101000157	Anh văn cơ bản 1 Chủ nghĩa xã hội khoa học Giáo dục thể chất-sức nhenh Giáo dục thể chất-Vô cổ truyền VN Kinh tế vi mô Lý thuyết xác suất - thống kê Nguyên lý kế toán Quản trị học Anh văn truyền sóng Điện tử thông tin Đồ án môn học 2 Hệ thống định vị vệ tuyến hàng không Hệ thống viễn thông Kỹ thuật siêu cao tần Kỹ thuật truyền số liệu & mạng máy tính	3 2 1 1 3 3 3 3 2 2 2 2 3 2 3	735.000 490.000 735.000 735.000 735.000 735.000 735.000 735.000 684.000 684.000 694.000 684.000 1.026.000 684.000 1.026.000	5.635.000	
2	KÀ TƠ LINH Mã sinh viên: 1753020019 Lớp: 17DHD101	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000157	Kỹ thuật truyền số liệu & mạng máy tính	3	1.026.000	5.472.000	
III	Miễn 70% Học phí - Sinh viên là dân tộc thiểu số thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn					24.395.000	17.076.500	
1	ĐOÀN VĂN CHƯỜNG Mã sinh viên: 1751200062 Lớp: 17DHKT01	Học kỳ 2 (2019-2020)	0108000736 0108000532 0108000013 0108000694 0108000698 0108000346 0108000664 0101000127 0101000137	Kết cấu hàng không Khí động học Pháp luật hàng không Tiếng anh chuyên ngành II (KTHK) Tinh năng tàu bay Vật liệu hàng không Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay Cách và cấp phép hoạt động HK Khai thác thương mại tàu bay	3 3 2 3 2 3 2 2 3	930.000 930.000 490.000 930.000 620.000 930.000 620.000 490.000 735.000	3.815.000	

STT	Họ và Tên	Đợt	Mã học phần	Nội dung	Số TC	Mức nộp học phí	Số tiền miễn, giảm	Ký nhận
2	LT THANH CHIEU Mã sinh viên: 1751010204 Lớp: 17DHQTVT2	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000132 0101000117 0101000136 0101000129	Marketing hàng không Phân tích hoạt động kinh doanh Tổ chức khai thác HK I Anh văn chuyên ngành I	3 3 3 3	735.000 735.000 735.000 735.000	2.915.500	
3	DƯƠNG TỬ THÀNH Mã sinh viên: 1851010284 Lớp: 18DHQT06	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000010 0101000022 0101000102 0101000110 0101000082 0101000118 0101000020	Đường lối cách mạng Đảng CSVN Giáo dục thể chất-bóng chuyền Luật kinh tế Lý thuyết tài chính tiền tệ Quản trị nhân lực Thanh toán quốc tế Giáo dục thể chất-bóng rổ	3 1 2 3 3 2 1	735.000 735.000 490.000 735.000 735.000 490.000 735.000	3.258.500	
4	LỤC TRÍ MINH Mã sinh viên: 1951203026 Lớp: 19DHKT01	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000083 0108000092 0108000008 0108000244 0101000009 0108000003 0108000088 0108000619	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN An toàn điện Anh văn cơ bản 1 Chủ nghĩa xã hội khoa học Giáo dục thể chất-cứu nhanh Pháp luật đại cương Tư vấn cao cấp A3 Sức bền vật liệu	1 2 3 2 1 2 3 2	735.000 620.000 735.000 490.000 735.000 490.000 930.000 490.000	3.657.500	
5	PHÙNG THỊ NGÂN Mã sinh viên: 1951010320 Lớp: 19DHQT07	Học kỳ 2 (2019-2020)	0108000008 0108000244 0101000233 0101000104 0101000177 0101000107 0101000587	Anh văn cơ bản 1 Chủ nghĩa xã hội khoa học Giáo dục thể chất-Aerobic Kinh tế vi mô Lý thuyết xác suất - thống kê Nguyên lý kế toán Quản trị học	3 2 1 3 3 3 3	735.000 490.000 735.000 735.000 735.000 735.000 735.000	3.430.000	
IV	Miễn 50% Học phí - Sinh viên thuộc diện con người tại nạn lao động.					18.900.000	9.450.000	
1	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO Mã sinh viên: 1651010412 Lớp: QTKDVTBK3-K10	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000135 0101000139 0101000138 0101000130	Quản lý khai thác mặt đất Quản trị khai thác CHK-SB Thực tập và viết BCTT Anh văn chuyên ngành II	3 3 4 3	735.000 735.000 980.000 735.000	1.225.000	
2	ĐINH THANH LÂM Mã sinh viên: 1751010444 Lớp: 17DHQTC	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000127 0101000178 0101000185 0101000117 0101000135 0101000010 0101000102	C/chi và cấp phép hoạt động HK Các hoạt động khai thác tại Cảng HK Marketing Cảng hàng không Phân tích hoạt động kinh doanh Quản lý khai thác mặt đất Đường lối cách mạng Đảng CSVN Luật kinh tế	2 3 3 3 3 3 2	490.000 735.000 735.000 735.000 735.000 735.000 490.000	2.082.500	

STT	Họ và Tên	Đợt	Mã học phần	Nội dung	Số TC	Mức nộp học phí	Số tiền miễn, giảm	Ký nhận
3	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH Mã sinh viên: 1851010055 Lớp: 18DHQT02	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000110 0101000460 0101000082 0101000118 0101000020	Lý thuyết tài chính tiền tệ Quản trị chất lượng Quản trị nhân lực Thanh toán quốc tế Giáo dục thể chất-bóng rổ	3 3 3 2 1	735.000 735.000 735.000 490.000 735.000	2.327.500	
4	PHẠM PHƯƠNG ANH Mã sinh viên: 1951010046 Lớp: 19DHQT01	Học kỳ 2 (2019-2020)	0101000008 0101000244 0101000233 0101000104 0101000107 0101000587 0101000177	Anh văn cơ bản 1 Chủ nghĩa xã hội khoa học Giáo dục thể chất-Aerobic Kinh tế vi mô Nguyên lý kế toán Quản trị học Lý thuyết xác suất - thống kê	3 2 1 3 3 3 3	735.000 490.000 735.000 735.000 735.000 735.000 735.000	2.450.000	
5	HOÀNG NGỌC HÙNG Mã sinh viên: 1811150037 Lớp: 18CDTM01	Học kỳ 2 (2019-2020)	0301000690 0301000310 0301000689 0301000245 0301000291	Hành lý bất thường Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ hành khách Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9 Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm Quan hệ khách hàng và văn hóa doanh nghiệp	2 3 4 2 2	420.000 630.000 840.000 420.000 420.000	1.365.000	
V	Miễn 100% Học phí - Sinh viên thuộc diện đặc biệt khó khăn		0101000010 0101000102 0101000110 0101000460 0101000082 0101000118 0101000022	Đường lối cách mạng Đảng CSVN Luật kinh tế Lý thuyết tài chính tiền tệ Quản trị chất lượng Quản trị nhân lực Thanh toán quốc tế Giáo dục thể chất-bóng chuyền	3 2 3 3 3 2 1	735.000 490.000 735.000 735.000 735.000 490.000 735.000	4.655.000	
1	ĐỒNG THUY LONG THUY Mã sinh viên: 1851010107 Lớp: 18DHQT03	Học kỳ 2 (2019-2020)					4.655.000	
TỔNG CỘNG						106.932.000	90.163.500	

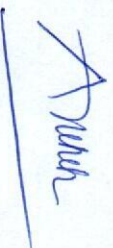
Số tiền bằng chữ: Chín mươi triệu một trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng.

NGƯỜI LẬP



PHAN KHẮC TÂM

TP. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



NGUYỄN THỊ ANH THY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2020



DANH SÁCH HOÀN TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ CHO
HỌC SINH, SINH VIÊN THUỘC ĐIỆN MIỄN, GIẢM HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDDT-BTC-BLDTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2016 của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ LĐ-TB và Xã hội;
Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-HVHK ngày 10 tháng 07 năm 2020 của Học viện Hàng không Việt Nam;

STT	Họ và Tên	Đợt	Mã học phần	Nội dung	Số TC	Mức nộp học phí	Số tiền miễn, giảm	Ký nhận
1	NGUYỄN TÂN HẢI Mã sinh viên: 1953020003 Lớp: 19DHD101	Học kỳ 2 (2019-2020)						Không có công nợ sinh viên
TỔNG CỘNG						0	0	

Đơn vị tính: đồng

Số tiền bằng chữ: không đồng.

NGƯỜI LẬP

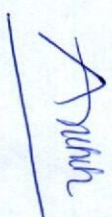
TP. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2020

GIÁM ĐỐC



PHAN KHẮC TÂM



NGUYỄN THỊ ANH THY



NGUYỄN THỊ HẢI HẰNG